

## ỨNG DỤNG GRAPHIC ORGANIZERS TRONG DẠY HỌC VIẾT VĂN BẢN THÔNG TIN Ở MÔN NGỮ VĂN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Nguyễn Thị Xuân Quỳnh, Vũ Thị Vân Anh, Nguyễn Thị Ngọc Huyền,  
Nguyễn Thị Kiều Nga, Lê Thị Vân

Trường Đại học Vinh

Ngày nhận bài 25/3/2022, ngày nhận đăng 04/5/2022

DOI: <https://doi.org/10.56824/vujs.2022ed07>

**Tóm tắt:** Trên cơ sở giới thiệu và phân tích những ưu thế của công cụ Graphic Organizers, một công cụ phổ biến và hiệu quả trong dạy học nói chung, bài viết đề xuất quy trình và các bước ứng dụng Graphic Organizers trong dạy học viết văn bản thông tin ở môn Ngữ văn trung học phổ thông. Thông qua các ví dụ minh họa cụ thể, chúng tôi hướng đến việc trình bày một số hình thức cơ bản của Graphic Organizers nhằm giúp giáo viên và học sinh có được hình dung rõ ràng về việc sử dụng công cụ Graphic Organizers trong tiến trình dạy viết một văn bản thông tin nhằm phát triển năng lực học sinh, đồng thời đáp ứng yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018.

**Từ khóa:** Graphic Organizers; dạy học viết; văn bản thông tin; môn Ngữ văn; Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018.

### 1. Mở đầu

Trong *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018*, văn bản thông tin (VBTT) là loại văn bản mới, với cách tiếp cận và khám phá tương đối khác biệt so với hai loại văn bản vốn đã quen thuộc là văn bản văn học (VBVH) và văn bản nghị luận (VBNL). Khi dạy học VBTT ở nhà trường, việc tạo lập được các kiểu văn bản luôn đòi hỏi người học phải có năng lực tổ chức thông tin ở mức độ cao nhằm tìm kiếm, thu thập, lựa chọn, sắp xếp và xử lý thông tin theo một logic nhất định. Để đáp ứng yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học theo định hướng phát triển năng lực hiện nay, việc dạy viết VBTT trong môn Ngữ văn ở nhà trường phổ thông cần thiết phải được đổi mới và cải tiến về phương pháp tiếp cận cũng như ứng dụng các công cụ và chiến thuật dạy học tích cực. Trên cơ sở đó, việc sử dụng Graphic Organizers với những ưu thế trong việc thiết lập, tổ chức và sắp xếp hệ thống thông tin sẽ là một biện pháp quan trọng nhằm thúc đẩy hiệu quả việc dạy học viết VBTT và phát triển năng lực tư duy cho học sinh (HS) hiện nay.

Graphic Organizers là khái niệm chung cho rất nhiều loại tổ chức đồ họa như bản đồ (*maps*), đồ thị (*graphs*), biểu đồ (*charts*), sơ đồ (*diagrams*), cụm hình (*clusters*)... Đây là một công cụ dạy học được sử dụng phổ biến trên thế giới nhưng chưa được sử dụng một cách rộng rãi và có hệ thống ở nhà trường Việt Nam. Các công trình nghiên cứu hiện nay mới dừng lại ở tiếp cận và tìm hiểu một số dạng thức quen thuộc của Graphic Organizers như Graph (biểu đồ) hay Mindmap (bản đồ tư duy) mà chưa nghiên cứu một cách hệ thống và toàn diện về công cụ này. Về ứng dụng Graph, công trình “Sử dụng Graph trong dạy học Tiếng Việt” (1996) của Nguyễn Quang Ninh đã khái quát sơ lược về phương pháp Graph, những yêu cầu và cách thức tiến hành lập Graph cho bài học Tiếng Việt. Tiếp nối

là các bài viết “Sử dụng Graph vào việc phân tích mối quan hệ nghĩa giữa các câu trong đoạn văn” của Nguyễn Thị Ban (2002), “Sử dụng Graph trong dạy học Tiếng Việt” của Phan Thị Minh Thúy (2009). Gần đây nhất là bài viết *Hướng dẫn học sinh trung học phổ thông sử dụng Graph để lập dàn ý trong dạy học làm văn nghị luận xã hội* của Nguyễn Thị Linh (2019). Bài viết phân tích những ưu thế của Graph và đề xuất cách ứng dụng phương pháp Graph trong dạy thực hành lập dàn ý bài văn nghị luận xã hội cho HS phổ thông. Về ứng dụng Mindmap (bản đồ tư duy), số lượng các công trình và bài viết khá phong phú. Có thể kể đến *Vận dụng bản đồ tư duy vào dạy học lập ý bài văn nghị luận ở trung học phổ thông* của Hoài Phương (2015), *Sử dụng sơ đồ tư duy trong dạy học Ngữ văn* của Hoàng Long Trọng (2018), *Áp dụng sơ đồ tư duy trực tuyến (online mindmap) trong việc cải thiện viết đoạn văn* của Phạm Thị Diệu Linh (2021)... Đặc biệt, Trịnh Thị Lan và Nguyễn Thu Thủy trong bài viết *Vận dụng một số kỹ thuật dạy viết văn bản thông tin của sách giáo khoa Literature (McDougal Littell - Hoa Kỳ) vào dạy viết văn thuyết minh cho học sinh lớp 8 (Việt Nam)* đã khảo sát hai kỹ thuật dạy viết chủ yếu là kỹ thuật sử dụng sơ đồ và kỹ thuật thiết kế thẻ thông tin. Tuy nhiên, ở kỹ thuật sử dụng sơ đồ, các tác giả mới dừng lại ở việc giới thiệu chung và trình bày ví dụ minh họa trong sách giáo khoa Hoa Kỳ mà chưa đi sâu cụ thể vào việc đề xuất quy trình hình thức sử dụng sơ đồ trong tiến trình dạy học viết VBTT. Như vậy, có thể nói, hầu hết các công trình đều tập trung hướng đến việc ứng dụng graphs và mindmaps với tư cách là một công cụ trực quan trong dạy học Tiếng Việt và làm văn nói riêng, dạy học môn Ngữ văn ở nhà trường nói chung. Tuy nhiên, trong dạy học viết, các tác giả mới chỉ xoay quanh khâu lập ý và lập dàn ý cho bài văn mà chưa chú ý thích đáng đến triển vọng sử dụng Graphic Organizers ở toàn bộ các giai đoạn thuộc tiến trình tạo lập văn bản gồm trước viết, viết và sau viết. Trong bài viết này, chúng tôi sẽ tiếp cận vấn đề cụ thể hơn thông qua việc phân tích những ưu thế của Graphic Organizers, đề xuất định hướng và quy trình sử dụng Graphic Organizers trong dạy học viết VBTT theo tiến trình nhằm đáp ứng yêu cầu cần đạt và nội dung Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Graphic Organizers, khái niệm và đặc điểm

Graphic Organizers là một công cụ sắp xếp thông tin bằng đồ họa, được biết đến với các tên gọi khác như bản đồ kiến thức (*Knowledge Map*), bản đồ tri thức (*Cognitive Map*), bản đồ khái niệm (*Concept Map*), bản đồ truyện kể (*Story Map*)... Đây là một dạng công cụ giao tiếp sử dụng các biểu tượng hình ảnh để diễn tả kiến thức, khái niệm, suy nghĩ hay ý tưởng và mối quan hệ giữa chúng với nhau. Mục đích chính của Graphic Organizers là cung cấp sự hỗ trợ bằng hình ảnh để tăng cường hiệu quả học tập cho người học.

Graphic Organizers thường xuất hiện trong khuôn khổ một trang giấy, trong đó có các khung kí hiệu, thuật ngữ và những phần để trống để HS sẽ điền vào/lấp đầy các chỗ trống này bằng những thông tin và ý tưởng liên quan. Đây là một công cụ cần thiết cho giáo viên (GV) trong quá trình dạy đọc, viết và trình bày các khái niệm. Chức năng của Graphic Organizers khá đa dạng trong việc thúc đẩy các hoạt động học tập như động não, sắp xếp hệ thống các ý tưởng và nội dung ở nhiều loại văn bản khác nhau. Các dạng Graphic Organizers phổ biến được kể đến như sơ đồ kim tự tháp, sơ đồ cây (dùng để trình

bày mối quan hệ thứ bậc hoặc phân cấp chủ đề), sơ đồ KWL với nhiều hình dạng (dùng để phân chia các khía cạnh của kiến thức nền)...

Những năm gần đây, Graphic Organizers được giới thiệu và phát triển liên tục với rất nhiều dạng và biến thể nhằm hỗ trợ cho các kĩ thuật và phương pháp dạy học tích cực ở nhà trường. Các công trình ứng dụng tiêu biểu và phổ biến trên thế giới có thể kể đến như: *50 Graphic Organizers for reading, writing and more* (Linda I. Vitis, Karren Bromley, Marcia Modlo, 1999), *Standard-based Language Art Graphic Organizers, Rubrics and Writing Prompts for Middle Grade Student* (Imogene Forte và Sandra Schurr, 2001), *The Teacher's Big Book of Graphic Organizers* (Katherine S. McKnight, 2010). Với việc cung cấp và phát triển 50 -100 dạng thức Graphic Organizers khác nhau phục vụ cho dạy và học, điểm chung của các công trình đó là Graphic Organizers được nhân mạnh như một công cụ sư phạm quan trọng và hiệu quả để tổ chức nội dung, ý tưởng và tạo điều kiện thuận lợi cho người học lĩnh hội thông tin mới thu được. Bằng việc tạo ra các mô hình trực quan mạnh mẽ, Graphic Organizers hỗ trợ việc học tập thông qua việc giúp HS nhìn ra các mối liên kết và quan hệ giữa các sự kiện, thông tin và khái niệm.

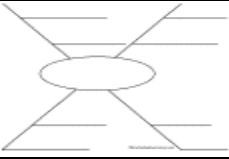
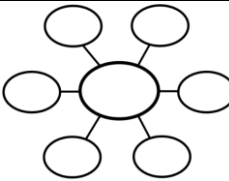
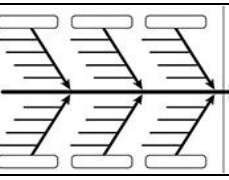
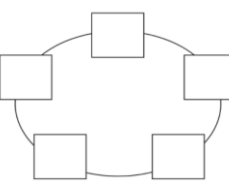
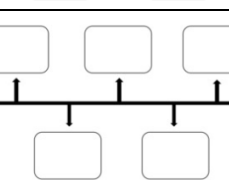
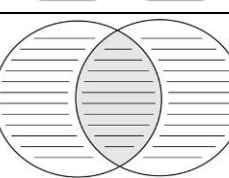
Như vậy, Graphic Organizers là một cấu trúc tích hợp giữa ngôn ngữ và khung hình trực quan nhằm diễn đạt một trật tự hoặc logic quan hệ nhất định giữa các thành tố. Cơ sở khoa học của việc ứng dụng Graphic Organizers trong dạy học được củng cố thêm bởi những ảnh hưởng của lý thuyết về các phong cách học tập, thuyết đa trí tuệ của H. Gardner, nguyên tắc “giàn giáo” (*scaffold*) của L. Vygotsky... Cụ thể, lý thuyết đa trí tuệ của H. Gardner (1993, 2006) cho rằng HS có khả năng học và tiếp thu thông tin tốt hơn khi sử dụng nhiều phương thức học tập trong một chiến lược thời gian giảng dạy. Sự kết hợp giữa các kênh giao tiếp ngôn ngữ và hình ảnh trực quan đưa lại hiệu quả cao trong việc kích thích hứng thú và động lực học tập của HS. Graphic Organizers là các mô tả trực quan cho phép người học bổ sung và chỉnh sửa kiến thức nền của mình bằng việc nhìn ra những kết nối và khác biệt giữa kiến thức đã có (lược đồ) và kiến thức mới. Thông qua các phương thức hình ảnh và không gian, việc sử dụng Graphic Organizers giúp HS có thể hiểu rõ những gì họ đang học trên nhiều phương diện, không chỉ giới hạn ở bản thân việc ghi nhớ kiến thức mà còn hướng đến toàn bộ chủ đề liên quan trong tính hệ thống cũng như tư duy về cách thức và phương pháp để hình thành kiến thức mới. Đối với người học, thông qua việc sử dụng các chiến lược giảng dạy và công cụ học tập cụ thể từ Graphic Organizers, HS tiếp nhận kiến thức nhanh và linh hoạt, có thể trở thành những người học thành công. Thậm chí, từ các dạng mô thức Graphic Organizers quen thuộc, HS có thể tự tạo ra các Graphic Organizers mới nhằm thiết lập mối quan hệ logic cho sản phẩm học tập của mình khi viết và trình bày.

Trên thực tế, số lượng Graphic Organizers vô cùng phong phú và đa dạng tùy theo đặc điểm và kết cấu của thông tin. Trong dạy học, Graphic Organizers được sử dụng dưới hai hình thức: trực tiếp và gián tiếp.

- Trực tiếp: GV và HS sử dụng Graphic Organizers để minh họa, trình bày hay tóm tắt nội dung kiến thức bài học.

- Gián tiếp: GV thiết kế bài tập thông qua các phiếu học tập/phiếu giao nhiệm vụ có sử dụng Graphic Organizers nhằm giúp HS khai thác chi tiết, hệ thống hóa hoặc khái quát nội dung bài học.

Dưới đây là một số dạng Graphic Organizer thường gặp và các ví dụ trong dạy học viết VBTT ở môn Ngữ văn:

Graphics Organizers	Tên gọi	Chức năng	Ví dụ minh họa
	Sơ đồ mạng nhện	Thêm thông tin chi tiết cho một chủ đề	Thuyết minh các tác hại của thuốc lá
	Sơ đồ mạng lưới	Phát triển các ý tưởng liên quan từ một gợi ý/chủ đề	Thuyết minh về một tác gia văn học
	Sơ đồ xương cá	Phân tách thông tin dạng phức tạp theo các nhánh nguyên nhân - hệ quả	Thuyết minh về một hiện tượng xã hội kết hợp phân tích nguyên nhân và hệ quả
	Sơ đồ chu kỳ	Mô tả chu kỳ một sự vật hay hiện tượng	Thuyết minh về chu kì sinh trưởng của một loài vật
	Sơ đồ diễn biến	Trình bày thông tin và sự kiện theo thời gian	Thuyết minh về tiểu sử tác giả hoặc diễn biến một sự kiện lịch sử quan trọng
	Sơ đồ Venn	So sánh điểm giống và khác biệt giữa hai sự vật, hiện tượng	Thuyết minh về một tác phẩm sử dụng phương pháp so sánh đối chiếu

**Hình 1:** Một số Graphic Organizers phổ biến (tên gọi, chức năng và ví dụ minh họa)

## 2.2. Một số định hướng sử dụng Graphic Organizers trong dạy học viết VBTT ở môn Ngữ văn THPT

Với đặc trưng của loại văn bản dùng để trình bày và truyền đạt thông tin, việc dạy học viết VBTT trong môn Ngữ văn ở trường phổ thông sẽ hiệu quả hơn nếu GV biết sử dụng và tối ưu hóa các chiến thuật dạy học sử dụng Graphic Organizers. Tuy nhiên, việc ứng dụng Graphic Organizers trong dạy học viết VBTT nhằm phát triển năng lực HS theo chúng tôi cần dựa trên các nguyên tắc cơ bản như sau:

**Thứ nhất**, bám sát đặc trưng dạy học viết theo tiến trình. Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 đã có những thay đổi theo hướng phát triển tối đa năng lực người học, trong đó, chú trọng bám sát quy trình dạy viết theo tiến trình: trước, trong và sau viết. Cụ thể:

- Trước khi viết: người viết thực hiện các hoạt động như nhận biết về đề tài và chủ đề văn bản, người đọc, chọn lựa hình thức phù hợp cho văn bản. Giai đoạn này có thể bao

gồm các hoạt động như tìm kiếm thông tin, phác thảo đề cương, xác định tên văn bản và hướng viết.

- **Viết:** là hành động tạo lập bản nháp thứ nhất.

- Sau khi viết: người viết xem lại chủ đề, hình thức và người đọc. Trong giai đoạn này, người viết phải suy nghĩ lại, tái thiết kế và viết lại.

Các chiến thuật cụ thể trong quy trình được chia ra: lập kế hoạch, tìm và lập dàn ý, viết, rà soát, chỉnh sửa, công bố nhóm lại ở hai nội dung: quy trình viết và thực hành viết.

Đây cũng là một trong những căn cứ để xây dựng các Graphic Organizers trong dạy học viết nói chung và dạy học viết VBTT nói riêng. Ở mỗi giai đoạn, GV cần lựa chọn và sử dụng các Graphic Organizers phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ học tập nhằm phát triển năng lực tư duy cho HS.

**Thứ hai**, bám sát đặc trưng thể loại của VBTT. Khác với VB VH và VB NL, đây là loại văn bản hướng đến việc trình bày thông tin một cách khách quan; cung cấp thông tin về đối tượng một cách trung thực, giúp người đọc/nghe hiểu chính xác những gì được mô tả, giới thiệu. Nội dung thông tin trong VBTT thường được tổ chức theo một quy luật hoặc trình tự logic nhất định như: trình tự thời gian, trình tự không gian, mức độ quan tâm, tương đồng - khác biệt, khái quát - cụ thể, nguyên nhân - hệ quả, hiện tượng - bản chất... Do đó, khi tạo lập VBTT, người viết phải căn cứ trên đặc điểm này để xác định cấu trúc nội dung thông tin về đối tượng được trình bày, từ đó sử dụng những cách thức hoặc phương tiện để hỗ trợ người đọc trong việc tìm kiếm thông tin một cách nhanh chóng, hiệu quả. Dựa vào những đặc trưng trên của VBTT, có thể xác định cách sử dụng Graphic Organizers với từng hoạt động và mục đích của việc tạo lập VBTT nhằm phát huy tối đa đặc trưng của VBTT và năng lực người học.

**Thứ ba**, đảm bảo việc lựa chọn chính xác và hợp lý Graphic Organizers. Trong việc lập kế hoạch bài dạy, hướng dẫn và đánh giá quá trình dạy học viết VBTT, việc sử dụng Graphic Organizers là cần thiết bởi nó giúp GV và HS tập trung vào những từ khóa quan trọng và cho thấy mối liên hệ giữa chúng trong dạy học viết. Bên cạnh đó, sử dụng Graphic Organizers sẽ cung cấp cho HS các công cụ tư duy phản biện và sáng tạo. Vì thế, khi vận dụng Graphic Organizers trong quá trình dạy học viết VBTT, cần lưu ý một số nguyên tắc sử dụng cơ bản để phát triển năng lực của HS một cách hiệu quả nhất.

### **2.3. Quy trình sử dụng Graphic Organizers trong dạy học viết VBTT ở môn Ngữ văn THPT**

Để phát huy năng lực người học, đồng thời tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các mạch nội dung, sự nhất quán trong dạy học và kiểm tra đánh giá khi dạy học viết văn bản thuyết minh (VB TM), sử dụng các Graphic Organizers sẽ là một chiến thuật hữu ích và hiệu quả. Tương ứng với tiến trình dạy viết VB TM, GV cần áp dụng nhuần nhuyễn các dạng thức đa dạng của Graphic Organizers bao gồm: sơ đồ cây, sơ đồ Venn, sơ đồ tổ chức phân cấp, sơ đồ ý chính ba từ, bản đồ đánh giá Y- Pie... qua các bước như sau:

**Bước 1:** GV giới thiệu về Graphic Organizers, các dạng thức và chức năng của chúng để HS nắm được đặc trưng và lựa chọn công cụ.

**Bước 2:** GV tổ chức giới thiệu và phân tích đặc trưng kiểu bài thuộc VBTT từ đó định hướng HS lựa chọn, vận dụng dạng Graphic Organizer phù hợp. GV cung cấp mẫu Graphic Organizers trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua phiếu học tập để HS thực hiện nhiệm vụ. Lưu ý, bên cạnh việc dùng phiếu học tập được thiết kế dựa trên khung tổ chức đồ họa,

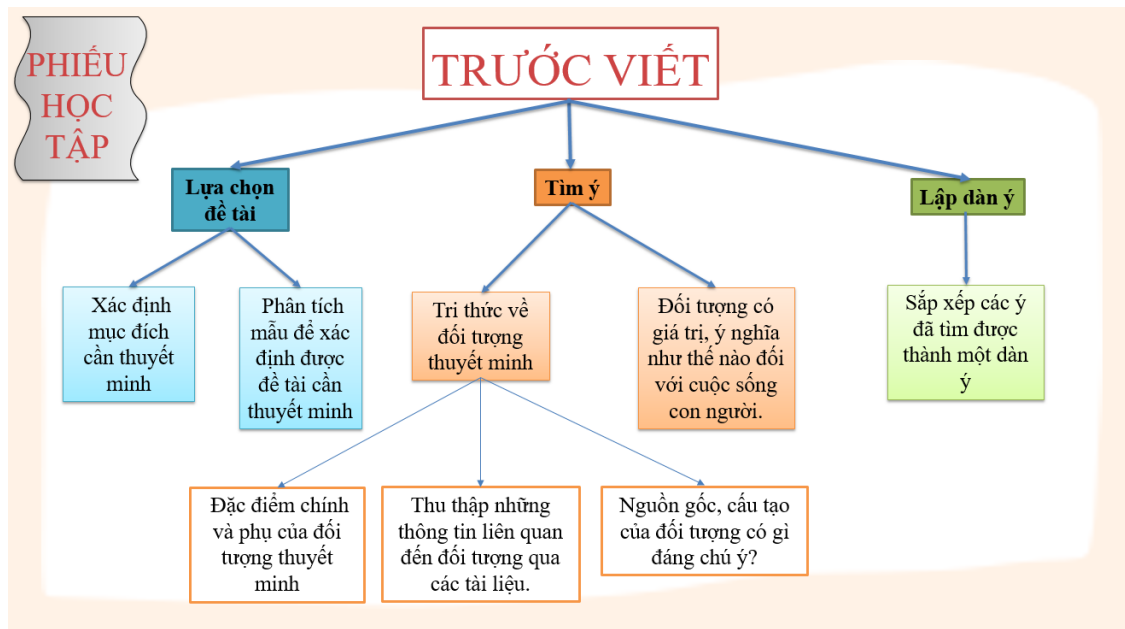
GV có thể phác họa mô hình lên bảng hoặc cho HS thực hành vẽ lại mô hình trong vở để các em làm quen với tư duy tạo lập văn bản.

**Bước 3:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập dựa trên việc hoàn thành các phiếu học tập có sử dụng Graphic Organizers hoặc tạo mới Graphic Organizers phục vụ tiến trình viết VBTT. HS trình bày kết quả/sản phẩm của mình trước lớp và GV.

**Bước 4:** GV thực hiện đánh giá nhận xét hoặc cho HS đánh giá chéo và tự đánh giá về mức độ hoàn thành nhiệm vụ, kỹ năng thu thập, lựa chọn và xử lý thông tin của HS thông qua Graphic Organizers.

Các bước tiến hành việc sử dụng Graphic Organizers trong dạy học viết VBTT theo tiến trình có thể thực hiện như dưới đây:

**Trước khi viết:** GV có thể áp dụng các dạng Graphic Organizers như phiếu KWKH, sơ đồ mạng nhện sơ đồ cây, sơ đồ tư duy... nhằm giúp HS động não, xác định được một số vấn đề như: lựa chọn đề tài; tìm ý; lập dàn ý. Sử dụng Graphic Organizers ở bước này sẽ tạo nên sự kết nối các tri thức nền trước khi HS tiến hành việc tạo lập VBTT dạng văn thuyết minh.

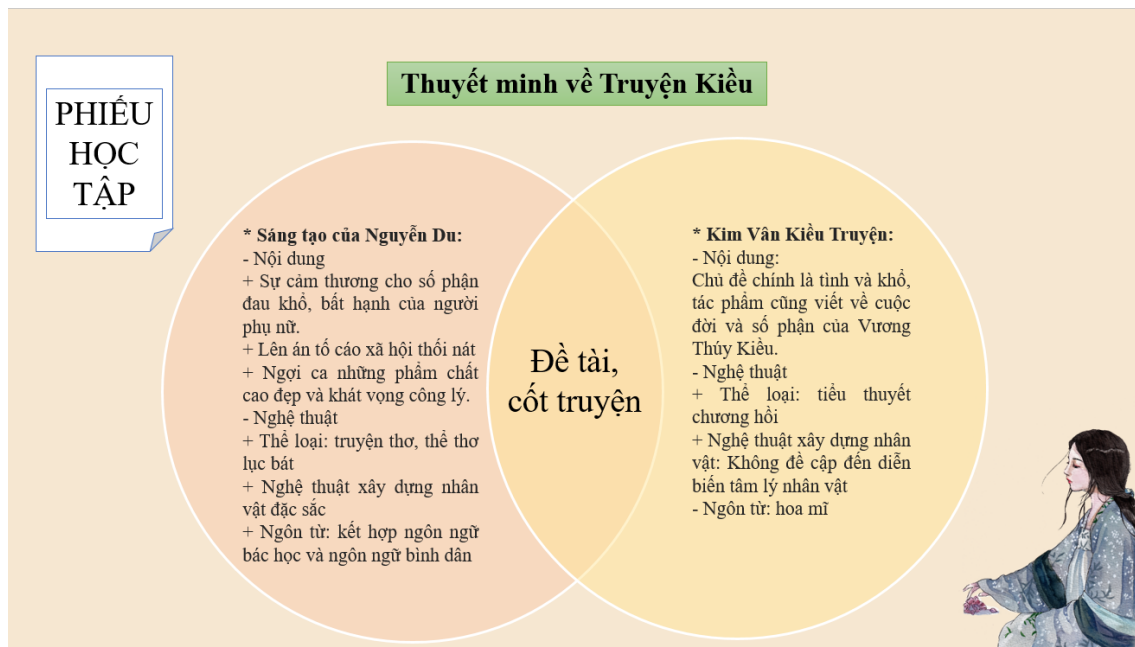


**Hình 2:** Sơ đồ cây thuyết minh về tiến trình viết (Network tree)

**Trong khi viết:** Nếu như tìm ý, lập dàn ý là việc hình thành tư duy, ý tưởng thì viết bài là việc hiện thực hóa tư duy, ý tưởng ấy. Chuyển ý thành văn là việc làm không hề dễ dàng, không phải HS nào cũng có khả năng diễn đạt một cách phù hợp, đầy đủ và hay điều muốn nói. HS phải được rèn luyện bài bản, thường xuyên, liên tục này mới có thể thành thạo kỹ năng viết VBTT. Trong tiến trình viết, GV có thể hướng dẫn HS thực hành viết ngắn theo từng đoạn hoặc viết trước mở bài và kết bài thông qua hệ thống các phiếu học tập có sử dụng Graphic Organizers.

Ví dụ, GV có thể áp dụng biểu đồ Venn, sơ đồ chu kỳ, sơ đồ diễn biến... để HS áp dụng vào tiến trình viết đạt hiệu quả tối đa. Đặt đối tượng cần thuyết minh trong tương quan với các đối tượng khác để so sánh điểm chung và làm nổi bật được những nét riêng biệt của đối tượng thuyết minh. Chẳng hạn, khi yêu cầu HS thuyết minh về kiệt tác *Truyện*

Kiều của Nguyễn Du, GV sẽ yêu cầu các em viết lại đoạn văn so sánh tương quan giữa Truyện Kiều và Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân dựa trên những gợi ý từ sơ đồ Venn cho trước như dưới đây:



**Hình 3:** Sơ đồ Venn so sánh Truyện Kiều và Kim Vân Kiều truyện

**Sau khi viết:** GV hướng dẫn HS điều chỉnh các ý tưởng nếu cần; kiểm tra, sửa lỗi bài viết, suy nghĩ về các biện pháp mà HS đã sử dụng trong quá trình tạo lập văn bản để nhận thấy được những ưu điểm và hạn chế, từ đó giúp HS có những điều chỉnh hoặc thay đổi phù hợp với yêu cầu của bài văn thuyết minh. Hoạt động kiểm tra sau khi viết sẽ tạo cho HS thói quen đặt mình vào vị trí của người đọc để rút ra được những kinh nghiệm cần thiết khi tạo lập VBTT. Công cụ thường được dùng để kiểm tra, sửa lỗi bài viết và đánh giá năng lực tạo lập VBTT thông dụng là rubrics. Rubrics hỗ trợ, thúc đẩy HS học tập tích cực, chủ động, nâng cao chất lượng học tập, phát triển năng lực cho người học trong quá trình đánh giá. Rubrics giúp việc kiểm tra năng lực viết VBTT của HS trở nên khoa học, công khai, khách quan và công bằng hơn; từ đó, GV có thể theo dõi sự tiến bộ của HS trong quá trình rèn luyện kỹ năng viết văn thuyết minh. Gắn với định hướng phát triển năng lực, khi sử dụng rubrics, HS tích cực, chủ động hơn trong học tập, được tạo điều kiện phát triển năng lực tạo lập văn bản, năng lực tự đánh giá, năng lực sáng tạo; rèn luyện kỹ năng lắng nghe phản hồi tích cực, ...

#### **2.4. Hình thức sử dụng Graphic Organizers trong dạy học viết VBTT ở môn Ngữ văn**

##### **2.4.1. Phiếu KWL**

Phiếu KWL giúp HS trình bày những gì họ biết (K), những gì họ muốn biết (W) và những gì họ đã học được (L) khi đọc và tìm hiểu một dạng VBTT. Đây là một công cụ trực quan hiệu quả để thu hút HS tham gia bằng cách khai thác kiến thức về VBTT trước đây của các em và để các em đặt ra mục đích học tập của riêng mình.

Ví dụ trong bài học chủ đề *Tích trò sân khấu dân gian* (SGK Ngữ văn 10, Bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*, Chương trình môn Ngữ văn 2018) với hoạt động viết *Viết báo cáo nghiên cứu (nghiên cứu về một vấn đề sân khấu dân gian Việt Nam)*: Trước khi đọc bài viết tham khảo “Ngôn ngữ đối thoại trong chèo”, GV phát phiếu phân tích mẫu KWL cho HS điền vào cột K (Những điều đã biết về chèo); tiếp đến HS sẽ điền vào cột W (Những điều muốn biết về chèo). Sau khi phân tích bài viết mẫu, HS sẽ tiếp tục điền vào cột L (Những điều thu nhận được từ bài ngôn ngữ đối thoại chèo”:

### Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề sân khấu dân gian Việt Nam

K (Những điều đã biết về sân khấu dân gian Việt Nam)	W (Những điều muốn biết về sân khấu dân gian Việt Nam)	L (Những điều biết được sau khi học về sân khấu dân gian Việt Nam)

**Hình 4:** Phiếu KWL tìm hiểu về chèo

#### 2.4.2. Các dạng sơ đồ (Graph và diagram)

##### a. Sơ đồ Venn (Venn diagram)

Một biểu đồ Venn bao gồm hai (hoặc nhiều) vòng tròn chồng lên nhau. Nó được sử dụng để biểu thị thông tin đang được so sánh và phân tích. Bên cạnh đó, biểu đồ Venn cũng là một kiểu tổ chức khái niệm làm nổi bật những điểm tương đồng và khác biệt.

Ví dụ, trong bài *Tính chuẩn xác, hấp dẫn bài văn thuyết minh* (SGK Ngữ văn 10, Chương trình Ngữ văn 2006), việc sử dụng sơ đồ Venn khi so sánh kiểu VBTM và kiểu văn bản nghị luận sẽ giúp người học xác định được chính xác kiểu bài văn cần tạo lập để xây dựng một bài văn thuyết minh thuyết phục.



**Hình 5:** Biểu đồ Venn so sánh VBTM và VBNL



### b. Sơ đồ cây từ (Word tree)

Sơ đồ cây từ chứa các từ bắt nguồn từ một từ gốc hoặc từ cơ sở. Sơ đồ cây từ giúp cho người học hệ thống các từ liên quan “phát triển” từ một gốc hoặc cơ sở chung và sở hữu ý nghĩa tương tự trên nền tảng chung của chúng. Tạo cây từ đòi hỏi kiến thức về kỹ năng phân tích đặc điểm VBTT.

Trong dạy học bài *Luyện tập viết đoạn văn thuyết minh* (SGK Ngữ văn 10, Chương trình môn Ngữ văn 2006), việc sử dụng sơ đồ cây từ giúp HS sắp xếp hợp lí các tri thức về đối tượng thuyết minh theo một thứ tự rõ ràng, rành mạch. Các yêu cầu đối với viết bài văn thuyết minh sẽ được triển khai theo hệ thống các tiêu chí gồm:

- Xác định vị trí của đoạn văn trong bài văn.
- Sắp xếp các ý theo một thứ tự chặt chẽ và mạch lạc.
- Vận dụng linh hoạt các phương pháp thuyết minh.
- Viết và sửa chữa đoạn văn thuyết minh.

Từ các yêu cầu trên, GV hướng dẫn HS triển khai thành hệ thống các thao tác cụ thể ở phiếu minh họa sơ đồ cây từ như dưới đây:

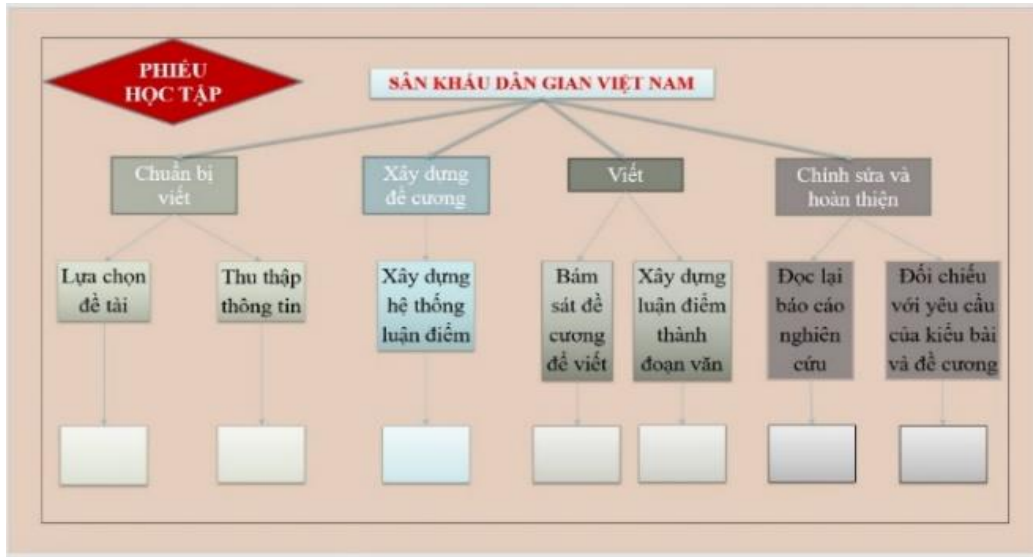


**Hình 6:** Sơ đồ các yêu cầu đối với viết đoạn văn thuyết minh (Word tree)

### c. Sơ đồ cây mạng (Network tree)

Sơ đồ cây mạng là một kiểu tổ chức đồ họa cho thấy các kết nối của dữ kiện và thông tin liên quan đến văn bản đọc. Nó được làm bằng một loạt các hình bầu dục có hai hoặc ba kích thước khác nhau được nối với nhau bằng nhiều nhánh để thể hiện sự kiện và thông tin phân nhánh như thế nào của một ý tưởng hoặc chủ đề chính.

Ví dụ như trong bài học chủ đề *Tích trò sân khấu dân gian* (SGK Ngữ văn 10, Bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*, Chương trình môn Ngữ văn 2018) với hoạt động viết *Viết báo cáo nghiên cứu (Nghiên cứu về một vấn đề sân khấu dân gian Việt Nam)*: Sau khi phân tích văn bản mẫu, HS sẽ định hướng được cách thức viết một báo cáo nghiên cứu về một vấn đề sân khấu dân gian Việt Nam để tiến hành các bước tạo lập văn bản tiếp theo. Với những ưu thế của sơ đồ cây mạng, HS có thể áp dụng được vào quá trình viết từ việc chuẩn bị viết đến xây dựng đề cương, viết và cuối cùng là chỉnh sửa hoàn thiện như sau:



**Hình 7:** Sơ đồ tiến trình viết báo cáo nghiên cứu về văn học dân gian (Network tree)

d. Sơ đồ tổ chức phân cấp (Hierarchical Orgnizer)

Sơ đồ tổ chức phân cấp giúp HS xem xét và xác định đối tượng (chủ đề và khái niệm chính) trong hệ thống các danh mục hoặc cấp bậc (cấp trên hoặc cấp dưới). Khía cạnh quan trọng của sơ đồ tổ chức phân cấp này là có các cấp độ hoặc cấp bậc riêng biệt tiến hành từ trên xuống dưới theo tầm quan trọng hoặc mức độ trừu tượng. Người tạo lập sơ đồ phân cấp có nhiệm vụ làm rõ mối quan hệ - liên quan giữa các cấp bậc hoặc cấp độ. Bất kỳ thông tin nào được thiết lập theo thứ hạng của các danh mục và danh mục con đều có thể được mô tả trong một trình tổ chức phân cấp.

Ví dụ trong bài học chủ đề *Sức sống của sử thi* (SGK Ngữ văn 10, Bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*, chương trình môn Ngữ văn 2018): Ở hoạt động viết *Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề*, GV có thể phát phiếu sơ đồ tổ chức phân cấp cho HS để HS tự tạo lập bài báo cáo nghiên cứu theo tiến trình: chuẩn bị viết, xây dựng đề cương, viết, chỉnh sửa và hoàn thiện sau:



**Hình 8:** Sơ đồ tổ chức tiến trình viết báo cáo nghiên cứu (Hierarchical Orgnizer)

e. Sơ đồ ý chính ba từ (*Three-word main idea map*)

Khi sử dụng sơ đồ ý chính ba từ, GV nên gợi dẫn một số từ hoặc một số hình ảnh minh họa để HS nắm bắt được nội dung thông tin cần tạo lập. Để đạt hiệu quả tối đa trong việc sử dụng sơ đồ ý chính ba từ, GV có thể tổ chức cho HS làm việc theo cặp, sau đó phân theo nhóm để chia sẻ các từ khóa và lý do lựa chọn. Tiếp theo, GV tập hợp các cụm từ đã được lựa chọn và nhận xét về ý nghĩa của chúng; đồng thời khuyến khích HS chia sẻ các lựa chọn của mình trong các nhóm nhỏ hoặc trong lớp để xây dựng nhận thức về các cách diễn giải khác nhau. Ngoài ra, GV có thể giúp HS ôn tập bằng cách thêm các chi tiết hỗ trợ.

Cụ thể, trong hoạt động *Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề*, chủ đề *Sức sống của sử thi* (SGK Ngữ văn 10, Bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*, chương trình môn Ngữ văn 2018), GV có thể sử dụng sơ đồ ý chính ba từ để áp dụng vào hoạt động phân tích mẫu, tương ứng với ba hình tròn là ba ý chính của bài viết tham khảo mà HS cần lưu ý. Từ ba ý chính đó HS tiếp tục điền những thông tin cần thiết vào các hình tròn. Cuối cùng HS sẽ điền những điểm cần lưu ý khi viết báo cáo nghiên cứu vào ô kết luận chung:



**Hình 9:** Sơ đồ ý chính phân tích mẫu văn bản trong dạy viết báo cáo nghiên cứu

2.4.3. Sơ đồ đánh giá Y-pie (*Assesment Y-pie map*)

Bản đồ Y-pie tập trung vào việc giúp HS tự đánh giá bài viết của mình theo các định hướng: “Điều em hài lòng ở bài văn là gì?” - “Để hoàn thiện hơn cho bài văn thì em sẽ làm gì?” - “Điều em muốn sửa đổi và điều chỉnh trong bài văn là?” nhằm giúp HS điều chuyển từ nhận thức ưu và nhược điểm sang việc xác định chiến lược học tập.

Trong hoạt động viết *Báo cáo nghiên cứu một vấn đề* thuộc chủ đề *Sức sống của sử thi* (SGK Ngữ văn 10, Bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*, Chương trình môn Ngữ văn 2018), sau khi HS hoàn thành báo cáo nghiên cứu, GV có thể phát phiếu học tập có sử dụng bản đồ đánh giá Y-pie cho HS với các câu hỏi tự đánh giá hoặc đánh giá chéo gồm “Điều gì ở báo cáo nghiên cứu khiến bạn hài lòng?”, “Điều bạn muốn sửa đổi và điều chỉnh trong báo cáo nghiên cứu là gì?”, “Để phát triển báo cáo nghiên cứu bạn sẽ làm gì?”:



**Hình 10:** Bản đồ đánh giá bài viết báo cáo nghiên cứu (Assesment Y-pie map)

### 3. Kết luận

Có thể nói, sử dụng Graphic Organizers trong dạy học nói chung và dạy học môn Ngữ văn nói riêng không còn là vấn đề xa lạ, song việc sử dụng công cụ này trong dạy viết VBTT đang còn nhiều điều mới mẻ. Việc vận dụng tốt Graphic Organizers sẽ tạo được lợi thế trong dạy - học môn Ngữ văn, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học, nâng cao chất lượng dạy viết VBTT. Bên cạnh đó, trong quá trình dạy viết GV cần phải tích cực hóa HS, phát triển năng lực viết của các em, kể cả các năng lực tiềm ẩn. Việc thay đổi các phương pháp dạy viết cũng phải linh hoạt và đa dạng nhằm nâng cao hiệu quả dạy học. Thay vì cách dạy học truyền thống vốn chỉ coi trọng đến sản phẩm cuối cùng là bài văn, dạy viết theo định hướng phát triển năng lực chú trọng phát triển năng lực HS ở mọi khâu trong tiến trình viết. Trong dạy viết, GV cần đổi mới phương pháp và chiến thuật dạy viết theo nguyên tắc lấy HS làm trung tâm, khai thác tối đa vốn hiểu biết đời sống, tri thức văn học và ngôn ngữ của các em, kích thích tư duy và động lực của HS thông qua hệ thống các hoạt động học tập đa dạng và trực quan... Với ý nghĩa đó, Graphic Organizers là giải pháp đặc biệt giúp cho HS triển khai bài viết của mình không chỉ ở khâu tạo lập sản phẩm mà nó còn xuất hiện trong suốt tiến trình dạy học như bắt đầu tìm hiểu đề, xác định đề, tìm ý và lập dàn ý cho đến khi HS đã hoàn thành bài viết của mình. Việc sử dụng khung trực quan này không chỉ đảm bảo cho HS phát triển năng lực viết mà còn thông qua đó giúp các em hình thành các năng lực tư duy khác như tư duy hệ thống, tư duy so sánh, tư duy phản biện... trong quá trình học tập và định hướng nghề nghiệp.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Thị Ban (2002). Sử dụng Graph trong dạy học Tiếng Việt. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, Số 17.
- Katherine S. McKnight (2010). *The Teacher's Big Book of Graphic Organizers*. Jossey-Bass. USA: San Francisco.

- Imogene Fort, Sandra Schurr (2001). *Standard-Based Language Arts Graphic Organizers, Rubrics and Writing Prompts for Middle Grade Student*. Incentive Publications. USA: Tennessee.
- Trịnh Thị Lan, Nguyễn Thị Thu Thủy (2017). Vận dụng một số kỹ thuật dạy viết văn bản thông tin của sách giáo khoa Literature (McDougal Littell - Mỹ) vào dạy viết văn thuyết minh cho học sinh lớp 8 (Việt Nam). *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*. Tập 63, Số 9, Khoa học giáo dục, tr. 98-105.
- Linda Irwin-Devitis, Karen Bromley, Marcia Modlo (1999). *50 Graphic Organizers for Reading, Writing & More*. Schoolastic Professional Books. USA: New York.
- Nguyễn Thị Linh (2019). Hướng dẫn học sinh trung học phổ thông sử dụng Graph để lập dàn ý trong dạy học làm văn nghị luận xã hội. *Tạp chí Giáo dục*, Số 462 (Kì 2 - 9/2019). tr. 49-53.
- Nguyễn Quang Ninh (1996). Sử dụng Grap trong dạy học Tiếng Việt. *Hội thảo toàn quốc về đổi mới phương pháp dạy học văn - tiếng Việt*.
- Trần Hoài Phương (2015). Vận dụng bản đồ tư duy vào dạy học lập ý bài văn nghị luận ở THPT. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*. Số 115, tr. 26-29.
- Phan Thị Minh Thúy (2009). Sử dụng Graph vào việc phân tích mối quan hệ nghĩa giữa các câu trong đoạn văn. *Tạp chí Giáo dục*. Số 42.
- EdHelper: *Graphic Organizer*. <https://www.edhelper.com/teachers/graphicorganizers.htm>
- Wikipedia: *Graphic Organizer*. [https://en.wikipedia.org/wiki/Graphic\\_organizer](https://en.wikipedia.org/wiki/Graphic_organizer)

## SUMMARY

### OPTIMIZING GRAPHIC ORGANIZERS FOR TEACHING WRITING INFORMATIONAL TEXTS IN THE LANGUAGE OF ARTS

**Nguyen Thi Xuan Quynh, Vu Thi Van Anh, Nguyen Thi Ngoc Huyen,  
Nguyen Thi Kieu Nga, Le Thi Van**  
Vinh University

Received on 25/3/2022, accepted for publication on 04/5/2022

This paper firstly presents and analyses the advantages of the Graphic Organizers tool as a popular and effective tool in teaching in general. Then, we propose the process and steps of applying Graphic Organizers in teaching writing informational texts in Language of Arts subject. Through specific illustrative examples, this study aims to present some forms of Graphic Organizers to help teachers and students have a clear picture of how to use Graphic Organizers in the process of teaching writing an informational text to develop students' competence and meet the requirements of the General Education Program in Language of Arts 2018 at the same time.

**Keywords:** Graphic Organizers; teaching writing; informational texts; Language of Arts subject; General Education Program in Language of Arts 2018.